TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Trịnh.
Bà Phan Thị Vi Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 03/2019/QĐ-ST ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Trần Hồng N, sinh năm 1979.
Địa chỉ: xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1950.
Quốc tịch: Hoa Kỳ. Số hộ chiếu: 541945723 cấp ngày 21/3/2016 tại Hoa Kỳ.
Địa chỉ: Tower CT Woodbury MN 55125, USA.

Người đại diện theo hợp pháp của bị đơn để nhận các văn bản tố tụng: Bà Lê Trần Hồng N, sinh năm 1979, địa chỉ: xã Đức Hạnh, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận - Là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 19/7/2018 đã được Hợp pháp hóa lãnh sự tại Lãnh sự quán CHXHCN Việt Nam tại New York ngày 28/8/2018.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2018, bản tự khai và đơn xin vắng mặt cùng ngày 16/01/2019 nguyên đơn Lê Trần Hồng N trình bày:

Năm 2011, bà và ông Nguyễn T tự tìm hiểu, yêu thương và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193/2011, quyển số 01/2011 ngày 07/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn, bà và ông T chỉ chung sống với nhau một vài tuần, sau đó ông T trở về Mỹ sinh sống. Thời gian đầu ông T vẫn còn thường xuyên liên lạc, hỏi thăm tình hình của nhau và chia sẻ mọi vấn đề trong cuộc sống. Sau đó ông T còn về Việt Nam thăm bà một vài lần. Từ cuối năm 2017 đến nay, bà và ông T chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau, không chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Hơn nữa do khoảng cách về địa lý, bà và ông T không thể ở gần nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà và ông T không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do điều kiện công việc, bà không thể đến Tòa án làm việc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền làm tại nước ngoài cùng ngày 19/7/2018 đã được Lãnh sự quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại New York hợp pháp hóa lãnh sự ngày 28/8/2018, bị đơn Nguyễn T trình bày:

Về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung ông thống nhất như lời trình bày của bà Lê Trần Hồng N. Ông đồng ý ly hôn với bà Lê Trần Hồng N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung ông và bà Nguyệt không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Vì ở xa không có điều kiện tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, ông xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án và ủy quyền cho bà Lê Trần Hồng N nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn và bị đơn không có mặt tại Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật, việc xin ly hôn của nguyên đơn Lê Trần Hồng N và bị đơn Nguyễn T là có căn cứ và có lý do chính đáng để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn

nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ lời khai của đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Trần Hồng N và ông Nguyễn T yêu cầu giải quyết vắng mặt vì lý do công việc, không có điều kiện tham gia tố tụng là phù hợp pháp luật theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Bà Lê Trần Hồng N và ông Nguyễn T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193/2011, quyển số 01/2011 ngày 07/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, đủ điều kiện kết hôn và không vi phạm quy định cấm kết hôn nên quan hệ hôn nhân của họ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[3] Mặc dù bà Lê Trần Hồng N và ông Nguyễn T đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, việc kết hôn là tự nguyện nhưng hai bên chỉ chung sống thời gian ngắn nên tình cảm vợ chồng chưa thật sự gắn bó. Từ cuối năm 2017 đến nay, bà Lê Trần Hồng N và ông Nguyễn T không còn thường xuyên liên lạc với nhau, không chia sẻ trong cuộc sống; do khoảng cách về địa lý nên cuộc sống chung vợ chồng giữa bà Lê Trần Hồng N và ông Nguyễn T đã không còn tồn tại, hai bên không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Vì vậy, mục đích kết hôn để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Đến nay, bà Lê Trần Hồng N yêu cầu ly hôn là phù hợp pháp luật theo quy định tại Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nên Tòa án chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung, hai đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] Bà Lê Trần Hồng N phải chịu án phí sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 37; Điểm a Khoản 1 Điều 38; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Điều 9, Điều 10, Khoản 1 Điều 85, Khoản 1 Điều 89, Điều 91, Điều 100, Khoản 1 Khoản 2 Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Trần Hồng N: Bà Lê Trần Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn T.

2. Về án phí:

Bà Lê Trần Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0025721 ngày 05/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Bà Lê Trần Hồng N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiệp Hòa